

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **166/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 25- 6- 2024

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoà

2. Ông Huỳnh Văn Minh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Luông- Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐXX- ST ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn N** sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: xã HK, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Bà **Trần Thanh T** sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: xã HK, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thanh T chung sống với nhau năm 1989, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2012, vợ chồng phát mâu thuẫn do không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi và ngủ riêng, không còn sinh hoạt vợ chồng cách nay khoảng 11- 12 năm. Đến năm 2023, ông cất nhà ở riêng nên ông và bà T đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh T1 sinh ngày 06/01/1990 và Nguyễn Quốc K sinh ngày 06/01/1997, hiện các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N chung sống với nhau năm 1989, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống do ông N thường xuyên uống rượu nên phát sinh bệnh viêm gan B từ năm 2010- 2012 và trong thời gian này bà chăm sóc khi ông bệnh. Bà và ông N không có phát mâu thuẫn nhưng từ năm 2023 ông N cất nhà ở riêng mà không rõ nguyên nhân. Nay không đồng ý ly hôn, còn thương chồng thương con.

- Về con chung: Hiện 02 con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn (không đăng ký kết hôn) và bị đơn có địa chỉ tại xã HK, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thanh T là do không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi, ông N và bà T đã sống ly thân năm 2023 cho đến nay. Ông N và bà T đều thừa nhận chung sống với nhau năm 1989, không có tổ chức lễ cưới, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà T.

[3] Về con chung: Xét thấy, con chung là Nguyễn Thị Thanh T1 sinh ngày 06/01/1990 và Nguyễn Quốc K sinh ngày 06/01/1997, hiện các đã thành niên. Ông N và bà T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thanh T.

2. *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 0015349 ngày 14/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, do đó ông N đã nộp xong án phí.

3. *Quyền kháng cáo:* Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thanh T được tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã HK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi